

Bản án số: 348/2020/HSPT

Ngày: 11/7/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách; Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh TRâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông TRẦN Văn Nhiệm và ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2020, tại tRụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 67A/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 1 năm 2020 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 388/2019/HS-ST Ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. **T**, sinh năm 1986; giới tính nam; nơi đăng ký nhân khẩu thường tRú và chỗ ở Tổ dân phố S1, phường S2, quận S3, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 10/12; con ông S4 và bà S5; vợ S6 và có 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự không; bị bắt ngày 14/4/2018; ngày 08/4/2019, hủy bỏ biện pháp tạm giam thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư tRú; có mặt tại phiên tòa.

2. **A**, sinh năm 1992; giới tính Nam; nơi đăng ký nhân khẩu thường tRú và chỗ ở tổ dân phố S1, phường S2, quận S3, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 10/12; con ông A1 và bà A2; tiền án, tiền sự không; bị bắt khẩn cấp ngày 14/4/2018; ngày 23/4/2018, Hủy bỏ biện pháp tạm giữ thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư tRú; có mặt tại phiên tòa.

*** Luật sư bào chữa cho bị cáo A:** Ông A3, luật sư văn phòng luật sư A4 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại không có kháng cáo:** Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V; địa chỉ tRụ sở số 6 ngõ 3 A5, phường A6, quận Đ1, Hà Nội.

Ngoài Ra, trong vụ án còn có bị cáo N, H không có kháng cáo, không bị kháng cáo, Tòa án không tRiệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h15' ngày 14/4/2018, Công an quận L đã phát hiện A dùng chứng minh nhân dân mang tên D, Sinh năm 1991, HKTK V1, H1, P (được dán ảnh của A) Rút 25.000.000 đồng tại bưu điện L1, phường L1, quận L; T và H đứng đợi ở ngoài. Cơ quan công an đã bắt giữ được A, T và đưa về tRụ sở Công an quận L để điều tra làm Rõ, còn H chạy thoát. Cùng ngày 14/4/2018, H và N đến Công an quận L đầu thú.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 24/10/2014, Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V (gọi tắt là Công ty VPB.FC) ký kết hợp đồng cung ứng dịch vụ với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (viết tắt là Vietnampost) về việc Vietnampost thực hiện việc giải ngân tiền cho khách hàng đã được làm thủ tục vay tiền của Công ty VPB.FC tại các bưu cục của Vietnampost. Về quy trình cho vay và Rút tiền tại các bưu điện: Khách hàng có nhu cầu vay tiền, nhân viên Công ty VPB.FC kiểm tra thông tin khách hàng gồm: Chứng minh nhân dân (CMND), sổ hộ khẩu nếu trùng khớp thì chụp ảnh CMND, sổ hộ khẩu Rồi chuyển thông tin lên mạng nội bộ của Công ty và làm hợp đồng với khách hàng, hồ sơ khách hàng được duyệt cho vay thì Công ty sẽ gửi mã số cho khách hàng theo số điện thoại trong hợp đồng. Khi đến bưu điện nhận tiền thì khách hàng phải đem theo CMND và mã số do Công ty VPB.FC đã cấp, nhân viên bưu điện đối chiếu tên khách hàng trên hệ thống trùng khớp với thông tin trên giấy tờ tùy thân thì in giấy chứng nhận trả tiền đưa cho khách hàng ký vào và trả số tiền mà khách hàng được vay.

N là nhân viên bán hàng của Công ty VPB.FC, có chức năng, nhiệm vụ gặp gỡ khách hàng, tư vấn, kiểm tra đối chiếu các thông tin như số điện thoại, CMND, sổ hộ khẩu của các cá nhân đến ký Hợp đồng tín dụng vay vốn Công ty VPB.FC.

Với mục đích nhằm chiếm đoạt tiền của Công ty VPB.FC, H đã tìm mua các chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và sim điện thoại của mạng Viettel đã đăng ký thông tin chủ thuê bao Rồi ghép với nhau để lập hồ sơ vay tín dụng tiêu dùng của Công ty VPB.FC, cụ thể: H thu mua các sim điện thoại và hồ sơ vay gồm có chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu từ tài khoản có tên trên mạng xã hội Zalo là Vay nhanh; Sim vay và Tiên Sim, những đối tượng này cung cấp thông tin của người vay cho H bằng tin nhắn hình ảnh trên mạng xã hội Zalo. Sau khi nhận thông tin từ các tài khoản Zalo, H cung cấp CMND, sổ hộ khẩu và các thông tin cần thiết cho N bằng Zalo để T làm hồ sơ vay tín dụng theo tên người trong CMND, nếu ảnh cũ thì T căn chỉnh Rồi đi Rửa lại cho mới. Sau đó, H sử dụng điện thoại thay đổi giọng nói để trả lời tham chiếu, nếu phía Công ty VPB.FC đồng ý và có hạn mức cho vay thì báo lại cho T qua hệ thống, T báo lại cho H.

Đồng thời phía Công ty VPB.FC cung cấp mã số vào sổ điện thoại của người vay do H sử dụng. Sau đó, H thay ảnh của A, T... vào CMND của người đứng tên vay tiền và chỉ đạo A, T đến các bưu điện trên địa bàn TP. Hà Nội sử dụng CMND và mã số mà Công ty VPB.FC đã cung cấp để Rút số tiền đã được duyệt vay.

H và N thỏa thuận mỗi hồ sơ được duyệt vay H trả cho T 500.000 đồng và H phải có trách nhiệm đóng lãi + gốc hàng tháng của tất cả các khách vay trong vòng 03 tháng để T hưởng doanh thu. Tổng số tiền T nhận từ H là khoảng trên 20.000.000 đồng. A và T được H trả công cho mỗi lần đi Rút tiền là 500.000 đồng.

Căn cứ vào 80 hồ sơ do Công ty VPB.FC cung cấp, Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh làm rõ trong thời gian từ tháng 03/2018 đến tháng 4/2018, N và H đã làm 66 hồ sơ mang tên khách hàng khác nhau, chiếm đoạt tổng số tiền 1.350.000.000 đồng. Trong đó, T đã 04 lần đi Rút tiền cho H ; A 01 lần đi Rút tiền cho Hà, cụ thể các trường hợp sau :

1. Hồ sơ mang tên M, sinh ngày 01/02/1993, CMND số 082218527 do Công an tỉnh S1 cấp ngày 25/2/2010, HKTT: M1, M2, NĐ (chữ ký trên bản thông tin khách hàng do H nhờ Đ, sinh năm: 1972, HKTT: 36/138 ngõ C, phường C, Đ1, Hà Nội là bạn của H ký hộ). Sau khi được Công ty VPB.FC phê duyệt khoản vay các đối tượng đã Rút số tiền 15.000.000 đồng tại bưu điện R ngày 06/3/2018, sau đó các đối tượng đã thanh toán trả cho Công ty VPB.FC số tiền 1.147.000, số tiền còn chiếm đoạt là 13.852.000 đồng. Chị M khai CMND số 082218527 do Công an tỉnh S1 cấp ngày 25/2/2010, quá trình sử dụng đến năm 2016 thì bị mất hiện chưa xin cấp lại, HKTT của chị M tại M3, M4, M5, S1 (ngày 18/12/2012, chuyển khẩu về phường M6, M7, Hải Phòng) chưa bao giờ chị M cùng bố mẹ chuyển khẩu về M1, M2, NĐ và không quen biết, không nhờ H và N làm hồ sơ vay tiền. T được H đưa CMND có dán ảnh của T và chỉ đạo Rút số tiền vay mang về cho H, T được hưởng lợi 500.000 đồng.

2. Hồ sơ mang tên D, sinh ngày 16/9/1991, CMND số 132171622 do Công an tỉnh P cấp ngày 04/02/2009, HKTT: 22 D1, D2, L, Hà Nội. Sau khi được Công ty VPB.FC phê duyệt khoản vay các đối tượng đã Rút Rồi chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng tại bưu điện L ngày 14/4/2018. Anh D khai hiện đang sử dụng CMND số 132171622 do Công an tỉnh P cấp ngày 01/4/2015 và đang sinh sống tại V1, H1, P. Đối với CMND số 132171622 do Công an tỉnh P cấp ngày 04/02/2009 trong quá trình sử dụng đã bị mất, không quen biết, không nhờ H, N lập hồ sơ vay tiền. A và T được H đưa CMND đã dán ảnh của A để Rút tiền vào ngày 14/4/2018.

3. Hồ sơ mang tên R, sinh ngày 29/9/1981, CMND số 281105779 do Công an tỉnh R1 cấp ngày 10/5/2011, HKTT: Thôn R2, xã R3, M2, NĐ. Sau khi được Công ty VPB.FC phê duyệt khoản vay các đối tượng đã Rút số tiền 30.000.000 đồng tại bưu điện R ngày 05/3/2018, sau đó các đối tượng đã thanh toán trả cho Công ty VPB.FC số tiền 2.058.000 đồng, số tiền còn chiếm đoạt là 27.942.000 đồng. Quá trình điều tra xác minh xác định tại xã R3, M2, NĐ không có ai tên là R. T đã được H đưa CMND đã dán ảnh của T và chỉ đạo rút tiền mang về cho Hà, T được hưởng lợi 500.000 đồng.

4. Hồ sơ mang tên W, sinh ngày 17/02/1986, CMND số 135283600 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 29/3/2004, HKTT: Thôn W1, xã W2, W3, Hà Nội. Sau khi được Công ty VPB.FC phê duyệt khoản vay số tiền 25.000.000 đồng. H đưa CNMD đã dán ảnh của Văn Anh và số tham chiếu cho A và T để đi Rút tiền vào ngày 14/4/2018 nhưng chưa kịp Rút thì bị bắt giữ. Anh W khai bị mất CMND số 135283600 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 29/3/2004, sau này huyện W3 chuyển về Hà Nội nên anh W làm lại CMND số 013591830 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 13/10/2012 và sử dụng cho đến nay.

Tại Bản kết luận giám định số 9531/KLGD-PC09-Đ4 ngày 24/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội, kết luận:

1. Chữ viết phần nội dung trên các Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, Phụ lục đề nghị vay vốn của các hồ sơ vay vốn cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A158 - TRừ chữ viết được khoanh bằng mực màu đỏ trên mẫu cần giám định ký hiệu A51) là chữ do người có mẫu chữ viết đứng tên N trên các mẫu so sánh viết ra.

* Chữ ký dạng viết tên, chữ viết dòng họ tên (dưới mục Bên vay) trên các Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, Phụ lục đề nghị vay vốn của các hồ sơ vay vốn cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A84) là chữ do người có mẫu chữ viết đứng tên N trên các mẫu so sánh viết Ra.

* Chữ ký, chữ viết trên Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, Phụ lục đề nghị vay vốn mang tên W là chữ photocopy nên không tiến hành giám định.

* Chữ viết phần nội dung trong hình ảnh của Tập tin mang tên W9 (ký hiệu A160 tRừ các phần chữ viết ‘làm dc 3 năm’, ‘Thu nhập 10tR- 2TR...7TR’, ‘Vay 25TR/24 thg vay để mua ti vi’); Chữ viết phần nội dung trong hình ảnh của tập tin (Ký hiệu A161 tRừ các phần chữ viết ‘vay 25TR/24 thg vay mua xe máy’, ‘Hiện đang bán phở Bò tái chín...gđ 8TR’); Chữ viết phần nội dung trong hình ảnh của tập tin mang tên M (Ký hiệu A161) là chữ của người có mẫu chữ viết đứng tên Đ trên các mẫu so sánh.

* Chữ viết phần nội dung trong 40 hình ảnh của 40 tập tin (Ký hiệu từ A163 đến A201; A221) không phải là chữ của những người có mẫu chữ viết trên các mẫu so sánh.

* Không đủ cơ sở kết luận chữ viết phần nội dung trong 14 hình ảnh của 14 tập tin (Ký hiệu từ A202 đến A215); Chữ ký, chữ viết dòng họ tên W9, W10, W, W11, W12 trong 05 hình ảnh của 05 tập tin (Ký hiệu từ A216 đến A220) là chữ của ai trong số những người có mẫu chữ ký, chữ viết trên các mẫu so sánh.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết dòng họ tên dưới mục bên vay trên các Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và Phụ lục đề nghị vay vốn tên A1, D, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14 là chữ do ai trong số người có mẫu chữ ký, chữ viết trên các mẫu so sánh ký và viết Ra.

- Các giấy chứng minh nhân dân mang tên D, W, A15 đều có ảnh phát hiện thấy dấu vết bóc tách, thay ảnh; Không phát hiện thấy dấu vết tẩy xóa, sửa chữa,

điền thêm; Hình dấu, chữ ký hiện Phòng KTHS – CATP Hà Nội không có mẫu lưu nên không tiến hành giám định.

Quá trình điều tra, H khai thừa nhận 04 lần chỉ đạo T đi Rút tiền, H chỉ chiếm đoạt số tiền trên và trả cho T mỗi lần đi Rút tiền là 500.000 đồng, còn lại 62 hồ sơ sau khi được duyệt vay H chuyển lại số tham chiếu để phía những người có Zalo Vay nhanh, Sim vay và Tiên Sim đi Rút tiền và H được họ trả công mỗi hồ sơ là 2.000.000 đồng.

T khai: T là người đã đưa ảnh của mình và ảnh của A cho H để H dán vào CMND của người khác và 03 lần trực tiếp đi Rút tiền tại các bưu điện cho H với tổng số tiền là 70.000.000 đồng, chưa Rút được tiền là 25.000.000 đồng, mỗi lần Rút tiền được H trả 500.000 đồng và được hưởng lợi tổng số tiền là 1.000.000 đồng.

A khai: T đã rủ A đi chụp ảnh chân dung đưa cho H để H dán ảnh của A vào CMND Rồi cùng T đi Rút tiền, A mới Rút 01 lần được 25.000.000 đồng và chưa Rút được tiền là 25.000.000 đồng cho H thì bị bắt, T chưa được hưởng lợi gì.

Tại Bản án sơ thẩm 388 ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174; điểm a khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T 4 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 3 (ba) năm tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 7 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được tRời thời gian tạm giữ từ ngày 14/4/2018 đến ngày 08/4/2019. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174; điểm a khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A 03 (Ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 (Hai) năm tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (Năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được tRời thời gian tạm giữ từ ngày 14/4/2018 đến ngày 23/4/2019.

Bản án sơ thẩm còn xử phạt: Bị cáo H 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 04 (Bốn) năm tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 19 (Mười chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2018. Xử phạt bị cáo N 07 (Bảy) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo H, T, A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

TRước khi xét xử phúc thẩm, ngày 09/6/2020, bị cáo H có đơn Rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Ngày 22/6/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã Ra

quyết định Đình chỉ xét xử phúc thẩm số 49/2020/HSPT-QĐ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo T và A giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo đều trình bày là lao động tự do, ai thuê gì cũng làm; do nhận thức pháp luật hạn chế nên chỉ nghĩ là làm thủ tục Rút tiền cho người khác để hưởng tiền công.

Bị cáo R đề nghị xem xét về tRường hợp W chưa làm thủ tục Rút tiền, Chứng minh nhân dân đang ở trong cốp xe máy, H chưa giao mã code để giao dịch nên các bị cáo chưa thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo A đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo suy nghĩ nông cạn, nghe theo hướng dẫn của T, chỉ mới tham gia Rút tiền một lần thì bị bắt, chưa được hưởng tiền công. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, là lao động chính, mẹ đang điều trị ung thư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho Rằng việc Rút tiền của tRường hợp W chưa được các bị cáo thực hiện, tRước đó không có sự bàn bạc nên thuộc tRường hợp phạm tội chưa đạt, ngoài Ra xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò và hoàn cảnh của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự sửa bản án sơ thẩm; giảm một phần hình phạt cho bị cáo T về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” và giảm hình phạt cho bị cáo A về cả hai tội danh.

Luật sư bào chữa cho bị cáo A trình bày: Về áp dụng khung hình phạt bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là không đúng, vì bị cáo A chỉ có hành vi tham gia Rút 25.000.000 đồng vào ngày 14/4/2018 thì bị bắt quả tang, bị cáo A không biết hôm đó là để đi Rút tiền cho hai tRường hợp (D và W). Về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”, bị cáo không tham gia sửa chữa chứng minh thư, chỉ biết đưa ảnh của mình cho bị cáo H; còn việc bị cáo H làm thế nào bị cáo không biết. Hành vi sửa chữa chứng minh thư và sử dụng chứng minh thư đã sửa chữa cho phù hợp với tên, ảnh người đứng tên vay để sử dụng Rút tiền, đây là thủ đoạn phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo; việc xét xử bị cáo về hai tội danh độc lập như vậy là không cần thiết. Với mức độ hành vi phạm tội thuộc loại giản đơn, vai trò đồng phạm thứ yếu và nhân thân, hoàn cảnh gia đình bị cáo, đề nghị xem xét về tội danh đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

T.Rước khi xét xử phúc thẩm, ngày 09/6/2020, bị cáo H có văn bản Rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Ngày 22/6/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã Ra quyết định Đình chỉ xét xử phúc thẩm số 49/2020/HSPT-QĐ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị H.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, T và A khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với nhau; đối chiếu phù hợp với lời khai của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác cũng như các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: H đã dùng thủ đoạn sửa chữa chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và mua sim điện thoại của mạng Viettel để ghép vào làm hồ sơ, sau đó chuyển cho N là nhân viên bán hàng của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V làm hồ sơ vay vốn. Khi được Công ty VPB.FC duyệt hồ sơ vay vốn thì Hà đã dùng Chứng minh thư nhân dân và dán ảnh của T, A vào Rồi đưa cho T và A đến các bưu điện để Rút số tiền được vay. Trong 66 hồ sơ vay vốn mang tên người khác mà H và N đã làm để vay Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V (chiếm đoạt tổng số tiền là 1.350.000.000 đồng) thì T đã trực tiếp 03 lần đi Rút tổng số tiền 70.000.000 đồng, chưa Rút được số tiền là 25.000.000 đồng. A đã 01 lần đi Rút số tiền 25.000.000 đồng cho H, chưa Rút được tiền là 25.000.000 đồng.

Trong vụ án này H và các đồng phạm đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V. Mặc dù không được bàn bạc từ đầu, không trực tiếp làm hợp đồng vay nhưng T và A chấp nhận chỉ đạo của H đi Rút tiền từ bưu điện; nhận thức Rõ sự bất minh khi để Hà dán ảnh của mình vào Chứng minh nhân dân mang tên người khác và thực hiện hành vi gian dối khi sử dụng Chứng minh nhân dân đó Ra bưu điện Rút tiền. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo bị cáo T, A về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 và tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Điều 340 của Bộ luật Hình sự năm 2015 với vai trò đồng phạm là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo thấy Rằng :

Vụ án thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng, trong đó H là người chủ mưu, giữ vai trò chính trong vụ án, Hà là người trực tiếp sửa chữa chứng minh nhân dân Rồi chuyển cho N để làm hồ sơ vay vốn Công ty VPB.FC; sau khi hồ sơ được duyệt vay, bản thân bị cáo trực tiếp đi Rút tiền hoặc chỉ đạo T và A sử dụng chứng minh thư của người khác đã dán ảnh của các bị cáo vào đi Rút tiền tại các bưu điện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm.

[3.1] Xét kháng cáo của T: Mặc dù số tiền 25.000.000 đồng của trường hợp W chưa Rút được nhưng trước đó bị cáo đã nhiều lần Rút tiền thành công nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, thỏa mãn quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Bị cáo đưa ảnh của mình để bị cáo H dán vào chứng minh nhân dân của người khác và sau đó sử dụng chứng minh thư đó trực tiếp đi Rút tiền tại các bưu điện. Ngoài ra, T còn rủ rê A phạm tội, đưa

Anh đi chụp ảnh, hướng dẫn A đi Rút tiền nên mức hình phạt đã áp dụng đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là phù hợp cần giữ nguyên. Bị cáo thực hiện hành vi sửa chữa và sử dụng Chứng minh nhân dân để Rút tiền theo sự chỉ đạo của H nên có vai trò thứ yếu, mức hình phạt đã áp dụng có phần nghiêm khắc nên chấp nhận kháng cáo của T, giảm hình phạt cho bị cáo về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3.1] Đối với A: Ngày 14/4/2018, T Rủ bị cáo A đi Rút tiền với Chứng minh nhân dân mang tên người vay là D với số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo Anh trình bày do là lao động tự do, được T nhờ đi Rút tiền cho người quen để được trả công 500.000 đồng nên bị cáo đồng ý. Bị cáo T đã dẫn bị cáo đi chụp ảnh mà không có sự bàn bạc hay thỏa thuận gì, việc lấy bao nhiêu ảnh và trả bao nhiêu tiền chụp ảnh là do T quy định và sau đó bị bắt quả tang. Lời khai của Anh phù hợp với lời khai của bị cáo T và H, đủ cơ sở để xác định: A là đối tượng bị Rủ Rê, bị cáo không được bàn bạc trước về việc sẽ đi Rút tiền cho bao nhiêu trường hợp, thời điểm Rút tiền mới được T đưa cho 01 Chứng minh nhân dân và 01 mã code để Rút khoản tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng từ Hợp đồng mang tên D vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên. Riêng trường hợp W chưa Rút được tiền, bản thân bị cáo không được thông báo về việc sẽ Rút tiền của hồ sơ này và thực tế chưa thực hiện giao dịch, tài sản chưa thoát khỏi sự quản lý của chủ sở hữu nên việc xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự (Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng) là không phù hợp nên cần sửa bản án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Đối với tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”: Mặc dù bị cáo A và luật sư cho rằng bị cáo không phạm tội danh này nhưng về ý thức bị cáo biết rõ và đồng ý cùng T đi chụp ảnh, biết rõ ảnh của mình được dán vào nhiều Chứng minh nhân dân mang tên người khác với mục đích dùng để làm thủ tục Rút tiền từ Bưu điện (thực tế đã có hai CMND tên D và W được dán ảnh của A). Hành vi trên đã đủ yếu tố cấu thành tội danh độc lập nên A phải chịu trách nhiệm về tội Sửa chữa tài liệu của cơ quan nhà nước với vai trò đồng phạm nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc không phạm tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Như vậy, có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo A, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận kháng cáo của T và A, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo.

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174; điểm a khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo T 4 (Bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được tRừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/4/2018 đến ngày 08/4/2019;

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 174; điểm a khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo A 01 (Một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (Hai) năm tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được tRừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/4/2018 đến ngày 23/4/2019.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[2]. Về án phí: Các bị cáo T, A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phách

Vũ Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THA dân sự thành phố Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

Nguyễn Thị Thanh Xuân